

ĐỀ TÀI, CHỦ ĐỀ LỚN TRONG THƠ TẢN ĐÀ

NGUYỄN HƯƠNG NGỌC

Email: nhngoc52@gmail.com

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

THEMES, MAIN TOPICS IN TAN DA'S POETRIES

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Tản Đà viết nhiều thơ. Thơ ông đa dạng, phong phú về đề tài, chủ đề. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi phân chia đề tài, chủ đề, cảm hứng trong thơ ông thành một số nhóm cơ bản nhất bao gồm: đề tài quê hương đất nước, đề tài đạo đức con người, chủ đề công danh, cảm hứng tự trào và cái tôi “ngông”. Nhóm lại các vấn đề như thế để chúng tôi có thể nhìn rõ hơn nữa những gì ông đã làm trong hành trình đổi mới thơ.

Từ khóa: Tản Đà, Văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX

In his career, Tan Da composed a lot of poetries. His work had very diversity themes and main topics. In this paper, his poetries's themes and main topics would be divided into some basic groups such as country, moral, career, self-criticism and his arrogant ego. That we divided them into groups helps us to examine his poetries more.

Keywords: Tan Da, Vietnamese early 20th century literature

Trong tư cách là một tác giả văn học, Tản Đà gửi lời chào đến văn đàn bằng những bài thơ hết sức tài tình và điêu luyện. Thơ ông nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của độc giả và của nhiều trí thức, nhà phê bình “khó tính” như Phạm Quỳnh, Phan Khôi. Người ta yêu thích và tin vào một trí thức tài năng như Tản Đà đồng thời cũng hy vọng vào con đường Tản Đà đã chọn. Nói như Phạm Quỳnh thì: “Đương buổi quốc văn mới phôi thai này, trông thấy xuất hiện một người nào có biệt tài về nghề nôm, quốc dân tất ai ai cũng vui lòng mà đón rước. Nhưng phải hiểu rằng trong sự hoan nghênh ấy phần sự thực cũng có mà phần hi vọng cũng nhiều” (Nguyễn Văn Thụ, 1997: 165). Nhiều nhà trí thức Tây học, nhà thơ trẻ mong muốn được diện kiến Tản Đà để đàm đạo. Có những người tìm đến ông để kết bạn và mong được ông giúp đỡ. Quả thực sinh thời, Tản Đà đã giúp đỡ, sửa thơ cho một vài người mà nhiều nhất có lẽ là Quách Tấn. Ông còn mở một mục trên An Nam tạp chí để những ai có nhu cầu sẽ gửi bài đến cho ông đọc, bình giảng và sửa chữa.

Tản Đà viết rất nhiều thơ trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Thơ ông có sự đa dạng về đề tài, chủ đề và cảm hứng. Mặc dù vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi phân chia đề tài, chủ đề, cảm hứng trong thơ ông thành một số nhóm cơ bản nhất bao gồm: đề tài quê hương đất nước, đề tài đạo đức con người, chủ đề công danh, cảm hứng tự trào và cái tôi “ngông”.

Nhóm lại các vấn đề như thế để chúng tôi có thể nhìn rõ hơn nữa những gì ông đã làm trong hành trình đổi mới thơ.

1. Đề tài quê hương, đất nước

Trong đề tài quê hương đất nước của Tản Đà, chúng tôi phân chia làm hai nhóm thơ đó là những bài miêu tả không gian cảnh sắc quê hương đất nước và những bài trực tiếp miêu tả tình cảm của tác giả với quê hương đất nước. Ở những bài miêu tả không gian, cảnh sắc quê hương đất nước, Tản Đà không chỉ miêu tả các không gian địa lý mà quan trọng hơn là những không gian đó gắn với những cung bậc cảm xúc cụ thể của thi sĩ. Tản Đà thích xê dịch và có cơ hội để xê dịch nhiều nơi nhưng cách viết về cảnh sắc quê hương của ông không giống như thơ vịnh cảnh của các tác giả Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh... Trong thơ vịnh cảnh trung đại, không gian thiên nhiên thường được khắc họa rõ nét có hình khối, màu sắc, thậm chí cả thanh âm và ẩn chứa sau bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp đó là tình cảm, triết lý mà thi sĩ Trung đại gửi gắm. Tản Đà có sự ảnh hưởng của thơ vịnh cảnh Trung đại nhưng chỉ ở phương diện là ông dùng cảnh để nói tình còn cách miêu tả thì đã khác. Ông không chú trọng phô bày quá rõ ràng hình ảnh không gian địa danh mà ông miêu tả chỉ nêu lên tính chất căn bản nhất của nó gắn với tâm trạng hoặc triết lý của bản thân như trong bài Sài Gòn tới Nha Trang hữu cảm (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 127):

Xóm Gà tan giãc rạng vừng ô
 Tối đến Nha Trang rượu một hồ.
 Trợ bút đã xin từ bác Diệp¹
 Phụ trương để lại cây thầy Ngô².
 Dám quên Đông Pháp người tri kỷ
 Riêng nhớ An Nam bức địa đồ.
 Hai chuyến chơi xuân Thịn với Mão
 Đi ra còn nhận những đường vô.

Trên đường từ Sài Gòn ra đến Nha Trang, Tản Đà bồi hồi trong lòng vì những gắn bó với miền Nam. Ông gác lại mọi công việc trong đó, nhường lại cho những người bạn là Diệp Văn Kỳ và Ngô Tất Tố. Mặc dù Đông Pháp thời báo với ông có mỗi lương duyên và cũng có tình cảm sâu đậm nhưng tình cảm của ông với An Nam tạp chí vẫn là trên hết. Ông cũng yêu miền đất, con người và công việc trong đó nhưng ông không thể lưu lại. Vì thế mà Tản Đà mới sinh ra tâm trạng có chút đấu tranh và mâu thuẫn trên con đường ra Bắc. Ông thường có tâm trạng nhớ miền Nam trong khi ông đã nguyện gắn bó với đất Bắc, với An Nam tạp chí:

Ngày dài ta nhớ đất Nam trung
 Mây nước xa trông cách vạn trùng.
 Cánh nhận bên trời không chiếc bóng
 Vùng trăng mặt biển đã mười đông.
 Sài Gòn, Chợ Lớn ai qua lại?
 Thủ Đức, Xuân Trường khách vắng đông?
 Ngồi nhớ người xa thêm nhớ cảnh
 Xa xuôi ai có nhớ nhau cùng.
 (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 145)

Có thể thấy khi vịnh cảnh để tả tình, Tản Đà chỉ nêu tên địa danh chứ không miêu tả cụ thể. Cái tình cảm gắn với cảnh đó mới là quan trọng nhất trong thơ của ông.

Bên cạnh thể hiện tâm trạng cá nhân tác giả, không gian thiên nhiên trong thơ Tản Đà còn là cách để ông thể hiện tình yêu nước rất rõ ràng. Trong một số sáng tác, ông đã gắn địa danh địa lý với nội dung lịch sử để thể hiện lòng tự tôn dân tộc của mình, điển hình nhất có thể kể đến bài Chơi Huế (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 215).

Đường vô xứ Huế quanh quanh
 Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.
 Yêu em anh cứ anh vô,
 Kệ trường nhà Hồ, mặc phá Tam Giang.
 Xe hơi đã tới Đèo Ngang,
 Ấy qua Hà Tĩnh đường sang Quảng Bình.
 Danh sơn gặp khách hữu tình,
 Đèo Ngang ơi hỡi, là mình với ta.

Sau những câu thơ liệt kê các địa danh, toàn bộ đoạn sau bài thơ, Tản Đà tiếp tục bằng những câu viết về

lịch sử văn hoá vùng miền:

Con cháu chúa, nước non nhà,
 Không đi không lại nên ra lạ lòng.
 Dừng xe lên đỉnh ta trông,
 Mặt ngoài bể nước bên trong núi rừng.
 Nhớ từ Hoàng Nguyễn long hung,
 Cơ đồ gây dựng cũng rặng từ đây.

...

Rồng Tiên cùng họ từ xưa,
 Ba mươi năm mới bây giờ gặp nhau.
 Nhận xem áo vải quần nâu,
 Gái, trai, già trẻ, một mẫu không hai,
 Văn minh rày đã bán khai.
 Mà đây còn hầy như đời Hùng Vương!

Thông qua những vần thơ về con đường xê dịch, Tản Đà đã gửi gắm niềm tự hào về quê hương, dân tộc, con người Việt Nam. Điều đặc biệt là Tản Đà thấy đất nước ấy là đất nước của những người bình dân qua hình ảnh “áo vải quần nâu”. Tư tưởng của ông là tư tưởng của một thi sĩ dân tộc gần gũi với tầng lớp bình dân chứ không phải một nhà nho với cốt cách trượng giả.

Ngoài ra, để thể hiện tình cảm với đất nước, Tản Đà có những bài thơ biểu hiện rất trực tiếp nỗi đau của một người Việt Nam trước nỗi đau đất nước bị đô hộ qua những sáng tác như Tiễn năm Đinh Mão (1927), Mậu Thìn xuân cảm (1928) với những câu thơ rất thấm thía như:

Thôi năm Đinh Mão đã qua rồi
 Xã hội xem chừng vẫn thế thôi
 Một cuộc chiến tranh thành cũng hão
 Tứ mùa ngày tháng thoáng như trôi
 (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 125)

Hay:

Cuộc thế xoay quanh đất một hòn
 Sông chưa cạn đó, núi chưa mòn.
 Dân hai lăm triệu, ai người lớn
 Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.
 (Nguyễn Khắc Xương, 2002: 126)

Tản Đà về căn cốt không phải một nhà cách mạng nên để thể hiện tình cảm với đất nước, ông chỉ có thể bộc lộ trên trang văn của mình. Đây là tâm trạng chung của rất nhiều những trí thức lúc bấy giờ. Từ nhà nho cụ học, nhà nho cấp tiến đến các trí thức tân học, những ai có lòng tự tôn dân tộc đều có tiếng nói chung như Tản Đà. Họ chỉ khác nhau ở mức độ hành động. Tản Đà không hoạt động cách mạng mà ông chọn cách thể hiện sự đấu tranh (dù không phải là quá mạnh mẽ) qua tác phẩm của mình.

2. Đề tài đạo đức con người

Như đã nói ở trên, Tản Đà là một nhà nho luôn cố

gắng gìn giữ những đạo lý rường cột của nho gia mà ông cho là quan trọng. Với ông đạo đức con người luôn được đề cao. Cũng chính vì thế mà thơ ca ông không ít những bài, những ý nhắc đến đề tài này.

Tản Đà suốt đời đề cao thiên lương của người nghệ sĩ và của con người nói chung. Trong bài thơ Hầu trời, Tản Đà đã tự nhiệm cho mình việc truyền bá thiên lương ở đời thông qua lời căn dặn của Trời:

Trời rằng: “Không phải là Trời đây,
“Trời định sao con một việc này:
“Là việc thiên lương của nhân loại
“Cho con xuống thuật cùng đời hay”
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 168)

Với Tản Đà, thiên lương vừa là khái niệm về đạo đức vừa là quan điểm sống. Chính vì lẽ đó mà hai chữ này xuất hiện khá nhiều trong thơ ca, văn luận thuyết và tiểu thuyết của ông. Khi chưa thể làm trọn được công việc “trời giao” ấy, Tản Đà cũng cảm thấy có lỗi và đôi khi cũng thanh minh rằng mình vẫn nhớ, không bỏ bê, chỉ là chuyện nhân gian, cơm áo gạo tiền không dễ để ông hoàn thành công việc như ý nguyện:

Chút lòng tri kỉ xin ông giúp
Minh bạch tâu lên đến Cửu trùng:
Hai chữ “thiên lương” thẳng Hiếu nhớ
Dám mong không phụ trời trông mong.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 195)

Khi nhắc đến đạo đức, Tản Đà đặc biệt quan tâm đến việc giáo huấn phụ nữ. Tiết hạnh, phẩm cách của phụ nữ phải phù hợp với lễ giáo, nói cách khác là những quan điểm của ông trong việc giáo dục phụ nữ đều được đúc rút từ quan điểm nho gia. Ông với những nhà nho truyền thống không khác biệt nhau về vấn đề này. Đó là lý do ông đã viết những văn thơ ca ngợi những tấm gương phụ nữ tiết hạnh thời trước, tiêu biểu như bài thơ Tiết phụ hạnh mà ông viết để ca ngợi người chị của mình mất chồng năm 25 tuổi và ở vậy thờ chồng. Ông đề cao quan điểm đó của người xưa:

Trăm năm trong cõi người ta,
Trai thời trung hiếu, đàn bà tiết trinh.
Cuộc nhân thế xoay vần dâu bể,
Mỗi cương thường ai dễ xem khinh.
Trời Nam sáng vẻ văn minh,
Họ Phan một gái hiển vinh trên đời
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 310)

Đối với ông, việc người phụ nữ thủ tiết là một lẽ rất đáng được ngợi ca, thậm chí còn là sự văn minh. Hình ảnh người phụ nữ thờ chồng trong bài thơ này trở thành điểm sáng cho toàn bộ ý thơ cũng như triết lý thơ.

Một sáng tác khác cũng rất tiêu biểu là bài thơ viết về

người vợ của Ngô Cảnh Hoàn (trong tập Đài gương kinh). Tản Đà ca ngợi người vợ đã gieo mình xuống sông Thuý Ái theo chồng. Đây cũng chính là lời nói thể hiện sự đồng cảm cũng như thể hiện quan điểm rất rõ ràng của ông về tiết hạnh của người phụ nữ. Cũng trong Đài gương kinh, ông đã viết bài thơ lấy hình ảnh trung tâm là một cây đào nhưng thực chất là để ẩn dụ cho người phụ nữ:

Thân em tên gọi cây đào
Đẹp tươi hoa thắm, ngọt ngào quả xanh.
Lá non mơn mớn trên cành
Cành non yếu điệu như hình gái tơ.
Từ khi em bé đến giờ
Bất sâu vun gốc cũng nhờ tay ai.
Em trông con gái những người
Khôn ngoan đã sẵn có trời phú cho.
Thế mà nếu chẳng hay lo
Biết đâu rồi nữa chẳng thua cây đào.

3. Chủ đề công danh

Bên cạnh đề tài lớn về quê hương đất nước và đạo đức, trong các sáng tác thơ của mình, Tản Đà cũng thường nhắc đến vấn đề công danh, lập thân, lập nghiệp. Việc lập công danh đối với Tản Đà quan trọng và điều đó được thể hiện rõ ràng trong các bước hành động trên con đường sự nghiệp của ông. Việc ông thể nghiệm ở nhiều thể loại khác nhau, thử sức mình ở nhiều vai trò lớn chính là một biểu hiện rõ ràng cho sự quan tâm đến con đường công danh trong thực tế của Tản Đà. Với ông, việc gây dựng một sự nghiệp vững vàng rất quan trọng. Nó thể hiện cho ý chí nam nhi của ông:

Phận nam nhi tang bồng là chí,
Chữ “trượng phu” ý khí nhường ai.
Non sông thế với hai vai,
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.

...
Cho hay trần lụy đã mang,
Trăm năm duyên nợ văn chương còn nhiều
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 293 - 294)

Quan điểm về ý chí nam nhi, về hoạn lộ công danh là những điều Tản Đà đã có sự ảnh hưởng từ Nho giáo. Bước sang thời đại mới, ông vẫn không dứt khỏi vòng luẩn quẩn của lập thân lập nghiệp, của chí tang bồng, trượng phu.

Trong thơ ca, ông nhắc nhiều đến công danh nhưng cách viết sẽ có sự khác biệt với trong văn xuôi. Nếu như trong các văn luận thuyết hay tiểu thuyết, Tản Đà nêu rõ ý chí của một nam nhân, thể hiện sự quyết tâm, quan điểm lập thân lập nghiệp rõ ràng và tương đối chi tiết của một người cầm bút trong thời buổi văn xoay thì ở thơ đường như con người ông đôi khi vẫn có sự lặt lặt vấn đề. Nhiều khi vấn đề công danh cũng

được nhắc đến trong thơ ông với giọng điệu ngậm ngùi vì nhân vật trữ tình chưa đạt được công danh như mong ước, con đường sự nghiệp mờ mịt như trong bài *Đi đêm đay bóng*:

...
Đi đêm trường đã quen đường lấm,
Hỏi lối công danh cũng mập mờ.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 73)

Hay trong *Ngày xuân thơ rượu*, ông cũng nhắc đến sự mờ mịt của đường công danh:

Trời đất sinh ta rượu với thơ
Không thơ không rượu sống như thừa.
Công danh hai chữ mùi men nhạt
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 149)

Trong *Cảm thu, tiễn thu*, Tản Đà cũng thể hiện tâm trạng sầu muộn của một người thất thế giữa thời cuộc xoay vần, đổi thay:

Nào những ai:
Dọc ngang trời rộng,
Vùng vẫy bể khơi,
Đội giới đạp đất ở đời,
Sa cơ thất thế quê người chiếc thân?
Nào những ai:
Kê vàng tinh mộng,
Tóc bạc thương thân.
Vèo trông lá rụng đầy sân,
Công danh phù thế có ngân ấy thôi?
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 391)

Dù là tâm trạng quyết tâm hay cảm xúc buồn, thậm chí là phần uất thì tất cả đều thể hiện sự quan tâm của Tản Đà với hai chữ “công danh”. Một nhà nho có tài trí như Tản Đà thì việc muốn lập công là điều đương nhiên chỉ đáng tiếc là con đường của ông không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Chính từ những trải nghiệm trên con đường đầy trắc trở đó mà những vần thơ sầu muộn ấy mới có cơ hội được viết ra trên trang giấy.

4. Cảm hứng tự trào và cái tôi “ngông”

Thơ Tản Đà có một cảm hứng rất quan trọng là tự trào. Rất nhiều sáng tác thơ ông mang tinh thần tự trào vô cùng rõ nét. Đây là dấu vết vô cùng rõ của dấu ấn thơ ca Trung đại. Nguyễn Khuyến đã từng viết *Nhà gia thận vật yếm cơ hàn* (Nhà Nho đói khát sợ gì a) là câu tuyên bố bằng thơ về thái độ xem thường sự nghèo bời với họ bản tiện bất năng di. Thái tự trào, nhiều khi nói quá lên ở họ như gen di truyền, là một cách thể hiện chất quân tử ở người trí thức Nho giáo, và ở Tản Đà vẫn nguyên vẹn dấu vết này. Trước đó chúng ta đã bắt gặp không biết bao nhiêu thi phẩm tự

trào của các bậc đại thi hào như Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ... Tản Đà có lẽ ảnh hưởng sâu sắc từ những tư tưởng sống, quan điểm văn chương của những bậc tiền bối đó. Âm hưởng trong thơ tự trào của ông về căn bản không khác những người đi trước là mấy, cũng vẫn là những câu thơ tự giễu, tự chê những khiếm khuyết, thiếu sót của bản thân hoặc là tự trào những điều bản thân chưa làm được.

Trước hết Tản Đà tự cười mình về sự nghèo:

Người ta hơn tớ cái phong lưu
Tớ cũng hơn ai cái sự nghèo
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 108)

Tản Đà suốt đời quanh quẩn với kẻ sinh nhai, với cơm áo gạo tiền nên cái nghèo với ông không còn gì xa lạ. Bản thân ông dường như cũng không vì sự nghèo ấy mà cảm thấy bị quan yếm thê. Trái lại, ông lại dùng nó làm tiếng cười. Tiếng cười ấy vừa có cái hài hước của nhà nho nhưng đồng thời cũng có cái xót xa của một bậc nam nhi tài cao nhưng không đảm bảo được một cuộc sống sung túc cho vợ con và bản thân mình.

Mặc dù Tản Đà là người có tài năng nhưng cuộc thế vẫn xoay không phải lúc nào cũng thuận lợi cho ông thể hiện điều đó. Ông cũng viết thơ để cười về những khoảng thời gian không được thoả chí nguyện của bản thân:

Lãng bãng thân thể đi đi đứng
Nghiêng ngã quan hà tỉnh tỉnh say.
Thân tớ ví to bằng quả đất
Cũng cho thiên hạ có đêm ngày.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 108)

Tản Đà ý thức được sự hạn chế của mình trong xã hội hiện đại đang chuyển mình hết sức mạnh mẽ và dữ dội. Câu thơ có sự ngậm ngùi của một người đủ tài năng, ý chí và có mộng ước lớn nhưng không thực hiện được trọn vẹn các mộng ước. Đó là điều mà Tản Đà đã luôn trăn trở, băn khoăn trong suốt cuộc đời.

Cuối cùng, trong thơ Tản Đà nổi bật lên một cảm hứng thể hiện rất rõ tính cách của ông đó là “ngông”. Những vần thơ thể hiện cái tôi ngông nghênh trước cuộc đời xuất hiện rất nhiều lần. Tản Đà biết mình có tài và tin ở tài mình. Giữa một xã hội Tây Tàu Ta lẫn lộn (ý của Vũ Trọng Phụng) thì Tản Đà lại càng muốn được thể hiện cái sự ngông của mình cho thiên hạ được biết. Chỉ có ngông thì Tản Đà mới có ước mơ được làm thẳng Cuội lên cung trăng với chị Hằng để hằng năm hai người “Tựa nhau trông xuống thế gian cười” [171, 103]. Cái ngông của Tản Đà trở thành thành một nét cá tính không thể thiếu mà người quen sẽ thấy nó rất bình thường như Nguyễn Đình Chú

từng nhận xét: “Tản Đà ngông nghênh giữa cõi đời thế mà lạ thay, người Việt Nam hơn bảy chục năm nay, có lẽ chỉ trừ một Phạm Quỳnh là khó chịu, còn ra thì nếu có khó chịu là trong chốc lát chứ rút cục lại đều kính yêu, say mê Tản Đà, một sự kính yêu, say mê hoàn toàn tự nguyện, không cần ai bảo ai” (Nguyễn Đình Chú, 2012: 845).

Tự nhận thức hay cao hơn là tự khen chính mình thì Tản Đà là một trong số những nhà thơ hiện đại hiếm hoi thường xuyên làm việc đó.

Sông Đà núi Tản đúc nên ai
Trần thế xưa nay được mấy người?
Trung hiếu vẹn tròn hai khối ngọc
Thanh cao phổ trắng một cành mai.
Bạc tiền gió thoảng: thơ đầy túi,
Danh lợi bèo trôi: rượu nặng nai.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 140)

Tản Đà tự định vị mình là người tài xưa nay hiếm (được mấy người?) và thấy mình là người vẹn toàn cả về tài và về đức. Văn chương hiện đại giải phóng con người cá nhân rất cao nhưng cách con người cá nhân hiện đại thể hiện mình trên trang văn hoàn toàn khác. Đó là con người gần gũi, chân thật nhất có thể với những cảm xúc, cảm giác, hành động mang tính cá nhân về những vấn đề tiểu tự sự nhiều hơn là những vấn đề đại tự sự như nói về tài, hay đạo. Tản Đà vẫn chịu ảnh hưởng của thơ văn Trung đại, nặng nề tính đại tự sự cũng như lối tư duy nhà nho tài tử nên ông vẫn thường phô diễn sự ngông của mình trên trang thơ như vậy.

Ông cũng ý thức được những thất bại mình đã từng nếm trải nhưng trong sự nhận thức đó, ông vẫn thấy được cái tài của mình và tự hào về điều đó. Trong bài thơ Tự trào, ông viết:

Vùng đất Sơn Tây này một ông
Tuổi chưa bao nhiêu vẫn rất hùng.
Sông Đà núi Tản ai hun đúc
Bút thánh câu thần sớm vãi vung.
Chữ chữ nôm nôm nào kém cạnh
Khuyên khuyên điếm điếm có hay không.
Bởi ông hay quá ông không đỡ
Không đỡ ông càng tốt bụng ông.
(Nguyễn Khắc Xương, 2002: 90)

Trong bài thơ trên, chúng ta vừa bắt gặp giọng điệu tự trào (thể hiện qua câu thơ nhắc lại chuyện bản thân thi trượt) nhưng bao trùm lên trên hết vẫn là sự ngông. Tản Đà tự tin khẳng định năng văn của mình. Ông tự thấy mình không kém ai trong trời đất và rằng sự hổng thi của ông là do “ông hay quá” chứ không phải do ông không có tài. Sự ngông này ta đã bắt gặp nhiều trong thơ ca nhà nho tài tử mà điển hình ở Việt Nam là

Nguyễn Công Trứ. Tản Đà đi theo tinh thần tự ý thức về bản thân đó để ngạo nghễ và cười lên trên những sự thành bại của cá nhân và của cuộc đời mình. Đồng thời cũng thấy rõ nhu cầu thể hiện con người cá nhân của nghệ sĩ buổi giao thời, nó chưa toàn vẹn, chưa chín như các nhà Thơ Mới bởi đề tài, chủ đề, cảm hứng ở Tản Đà vẫn chưa được soi chiếu đa diện, nhiều chiều mà vẫn bị khuôn trong giới hạn giao thời, chưa vượt sang phía bên kia như các nhà Thơ Mới. Ở những vấn đề này, cái xao động, băng khuâng trong thơ ông cũng mới chỉ dừng lại ở đó mà thôi.

Thơ Tản Đà trải dài trên nhiều mảng đề tài, chủ đề và cảm hứng khác nhau. Dù là ở mảng nào, con người nghệ sĩ giao thời Tản Đà cũng được thể hiện rõ nét. Đây chính là đặc điểm quan trọng trong sáng tác của ông. Thơ Tản Đà cũng chính là sự thể hiện chính con người thi sĩ. Ở đó, ông có sự gặp gỡ với tiền nhân và cũng có tiếng nói chung đồng điệu với hậu thế. Đây chính là điểm đặc biệt làm nên Tản Đà.

5. Kết luận đóng góp của Tản Đà trong tiến trình đổi mới thơ

So với các nhà nho trước đó, Tản Đà là một hình ảnh hoàn toàn mới và cách tân. Tuy vậy so với những nhà thơ mới hiện đại, Tản Đà chưa hoàn toàn đi trọn con đường cách tân thơ ca. Thơ ông mới so với các nhà nho truyền thống nhưng vẫn mang tinh thần cũ so với thơ ca hiện đại. Thơ Tản Đà dù đã lược bớt lớp từ cổ kính, các hình ảnh ẩn dụ hay các điển cố điển tích nhưng tinh thần làm thơ của ông vẫn mang hơi hướng của nhà nho. Triết lý về đạo đức, lối sống của ông trong thơ ca là tương đối cũ mòn so với thời đại. Quan trọng hơn nữa về kỹ thuật sáng tác, Tản Đà chưa có cách tân nào đáng kể. Ông vẫn tuân thủ cơ bản các quy tắc viết của các thể loại truyền thống. Thật ra điều này là dễ hiểu vì ông không có vốn tri thức Tây học sâu rộng, hệ thống, đặc biệt là hiểu biết về thể loại văn học nên về cơ bản, ông vẫn quay về với các thể thơ truyền thống. Hình tượng trung tâm trong thơ ông, như đã nói ở trên, chính là con người tự họa của bản thân ông. Đó là điều tồn tại rất rõ trong thơ ca nho gia. Cảm hứng, đề tài trong thơ ông vốn là những đề tài quen thuộc trong thơ ca trung đại. Ông chỉ làm mới nó ở cách thể hiện bình dân, dân tộc chứ chưa làm mới nó ở tinh thần sâu xa. Tản Đà chưa có những cách tân hiện đại trong kỹ thuật sáng tác như chưa có đổi mới về thể thơ, gieo vần, ngắt nhịp hay lạ hoá các hình ảnh, cảm xúc bằng ngôn ngữ hiện đại. Đây là điều mà các nhà thơ mới như Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh... đã làm rất tốt. Tuy nhiên, Tản Đà đã bắt đầu chú ý đến việc sử dụng từ ngữ như một thứ trò chơi thông qua việc sáng tạo vần mới và thể nghiệm nó. Đây chính là một trong những biểu hiện của sự hiện đại hoá ngôn ngữ thơ ca. Tuy thế, ông mới chỉ đổi mới ở hình thức, ở lớp vỏ bề

ngoài còn chưa thực sự tạo ra một “trò chơi ngôn từ” ở bề sâu tinh thần và văn hoá của nó nên sự cách tân này chưa tạo được dấu ấn.

Tản Đà nằm đúng ở vị trí cầu nối giữa cổ và kim trong nền thơ ca Việt Nam. Điều này xảy ra cũng hoàn toàn dễ hiểu. Nó được quy định bởi những ràng buộc về vốn văn hoá tri thức cũng như truyền thống gia đình của chính ông. Vấn đề vốn văn hoá, tri thức của Tản Đà lại phần nhiều bị quy định bởi những biến động phức tạp của thời đại. Nếu Tản Đà được đặt trong những thế kỉ trung đại trước đó, sự tích lũy tri thức, văn hoá của ông sẽ khác so với thời kì này và có lẽ con đường đi của ông đã khác. Nhưng Tản Đà lại được đặt vào một thời đại hết sức phức tạp về chính trị, văn hoá và kinh tế. Đây là một thời kì có sự tích hợp giữa làn sóng châu Âu với sức mạnh truyền thống của dân tộc, mà truyền thống ở đây là cả cội rễ của dân tộc Việt đã tồn tại hàng nghìn năm và nền Hán học của các thế kỉ trung đại. Nằm trên lằn ranh của buổi giao thời, sự tiếp thu của Tản Đà với văn hoá, tri thức cũng rất phong phú và độc đáo.

Thơ ca thực sự là địa hạt không có gì quá xa lạ với Tản Đà. Và quả thực ông đã rất thoải mái trong việc thể hiện tài năng thơ ca của mình trong từng sáng tác. Ở thơ ông, người đọc tìm được một tâm hồn rất thuần Việt, gần gũi, bình dị nhưng đồng thời cũng rất cá tính, ngông nghênh của một cái tôi nghệ sĩ biết mình khác biệt trong buổi giao thời. Tản Đà có những điểm gặp gỡ với thơ ca trung đại ngày trước nhưng đồng thời cũng có những sự khác biệt đối với họ. Vậy là qua thơ ca, chúng ta thấy ông vừa từng bước khước từ con người cũ để trở thành một con người với diện mạo mới, hiện đại hơn nhưng đồng thời cũng cố gắng níu kéo con người cũ đó. Sự song song diễn ra cả hai quá trình này tạo nên phong cách thơ ông cũng như cá tính sáng tạo nghệ thuật Tản Đà. Ở ông có những mâu thuẫn bị quy định bởi thời đại song tất cả lại thông nhất trong sự vận động tổng thể. Ông đã có những cách tân theo hơi hướng hiện đại về ngôn ngữ, cái tôi trữ tình hay cách tiếp cận vấn đề nhưng vẫn còn giữ lại cách tư duy, kĩ thuật viết tương đối truyền thống nên ông vẫn mãi đứng ở thế cầu nối. Tuy vậy, chúng ta không thể phủ nhận vai trò dẫn dắt thế hệ sau của Tản Đà ở việc cởi bỏ một số ràng buộc của thơ ca trung đại để giải phóng cá tính sáng tạo cá nhân người nghệ sĩ.

CHÚ THÍCH

¹ *Tức Diệp Văn Kỳ*

² *Tức Ngô Tất Tố*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Đình Chú (2012)**, *Nguyễn Đình Chú tuyển tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. **Nguyễn Văn Thư (1997)**, *Tản Đà trong lòng thời đại: Hồi ức - Bình luận - Tư liệu*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
3. **Nguyễn Khắc Xương (Biên soạn) (2002)**, *Tản Đà toàn tập: tập 1*, Nxb Văn học, Hà Nội.